

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
kèm theo
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	03-05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06-07
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
· Bảng cân đối kế toán	08-11
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13- 14
· Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-37

THIÊN TRƯỜNG
TR. 11
11/10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 16 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16/09/2014 là 29.550.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) tương đương 2.955.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp điện.

2. Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch
- Ông Hoàng Anh Tú	Phó Chủ tịch
- Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
- Ông Vi Trung Sơn	Thành viên
- Ông Hoàng Như Đô	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc
- Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Trần Văn Bảy	Thành viên
Hoàng Minh Tuấn	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại lô 55, đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn

Giám đốc

Số: 66 /2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi Công ty TNHH PKF Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Đương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

Trần Thanh Phương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1616-2015-242-1

10 / 10
TỶ
HỮU
F
VA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.730.275.781	46.163.939.510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	9.080.232.090	1.512.154.398
1. Tiền	111		9.080.232.090	1.512.154.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.6	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.622.073.449	14.988.719.371
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	16.388.132.848	13.892.252.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	224.612.362	1.087.503.467
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	9.328.239	8.963.754
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	16.027.970.242	28.600.971.378
1. Hàng tồn kho	141		16.027.970.242	28.600.971.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.062.094.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.9	-	1.062.094.363
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.385.192.004	10.597.330.722
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		578.550.475	760.689.193
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	509.472.638	682.784.900
- Nguyên giá	222		2.011.026.264	1.975.026.264
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.501.553.626)	(1.292.241.364)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	69.077.837	77.904.293
- Nguyên giá	228		112.752.000	112.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.674.163)	(34.847.707)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.6	10.806.641.529	9.836.641.529
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.806.641.529	9.836.641.529
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.115.467.785	56.761.270.232

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.102.975.805	27.136.328.177
I. Nợ ngắn hạn	310		23.102.975.805	27.136.328.177
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	18.023.131.479	18.767.496.828
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.12	-	725.328.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.13	229.844.326	130.517.151
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	-	212.986.198
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.10	4.850.000.000	7.300.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.10	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NHÀ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.012.491.980	29.624.942.055
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	30.012.491.980	29.624.942.055
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		462.491.980	74.942.055
	421a		-	67.681.883
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		462.491.980	7.260.172
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.115.467.785	56.761.270.232

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập

Hoàng Thị Hồng

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	66.207.257.218	59.551.197.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.207.257.218	59.551.197.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	60.294.619.743	52.748.842.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.912.637.475	6.802.354.526
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	11.908.617	11.516.319
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	53.784.763	196.328.442
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.784.763	196.328.442
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	5.212.940.515	5.994.601.338
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		657.820.814	622.941.065
12. Thu nhập khác	31	VII.6	31.500.000	538
13. Chi phí khác	32	VII.7	-	6
14. Lợi nhuận khác	40		31.500.000	532
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		689.320.814	622.941.597
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	151.650.579	137.047.151
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		537.670.235	485.894.446

Người lập

Hoàng Thị Hồng

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016



Hoàng Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B03-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		689.320.814	622.941.597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		218.138.718	614.740.537
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.908.617)	(11.516.319)
- Chi phí lãi vay	06		53.784.763	196.328.442
- Các khoản điều chỉnh khác				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay	08		949.335.678	1.422.494.257
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.636.582.126)	(1.976.112.951)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.573.001.136	(6.872.458.673)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.524.492.400)	7.575.533.555
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.062.094.363	162.208.361
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh				
- Tiền lãi vay đã trả	13		(53.784.763)	(196.328.442)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(357.409.413)	(50.393.317)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.012.162.475	64.942.790
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.000.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(970.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.908.617	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(994.091.383)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mẫu số B03- DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.071.550.000	13.770.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.521.550.000)	(15.593.537.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.450.000.000)	(1.823.537.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.568.071.092	(1.758.594.210)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.512.154.398	3.270.748.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		9.080.225.490	1.512.154.398

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập

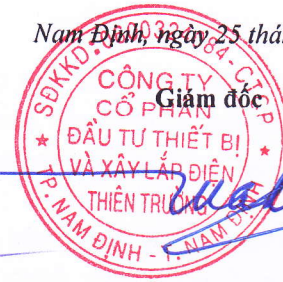
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hồng



Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003 và được đăng ký thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 7 vào ngày 16 tháng 09 năm 2014

Trụ sở chính của Công ty tại lô 55 đường N2, cụm KCN An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ của Công ty: theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16/09/2014 là 29.550.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) tương đương 2.955.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là Xây lắp điện.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện thế 35KV; San lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán lương thực, hàng nông lâm thủy sản, phân bón nông nghiệp;
- Sản xuất các mặt hàng nhựa, cơ khí xuất khẩu; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in; Vận tải hàng hóa và khách hàng theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Khai thác, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị ngành công trình.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán
2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Máy móc, thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	25 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

36
37
TH
F
AI
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

PHỤ LỤC
1/2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu xây lắp điện được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh bán vật tư: cung cấp các vật tư ngành điện như cột, xà, sứ...

Lĩnh vực kinh doanh xây lắp điện: cung cấp dịch vụ xây lắp điện

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tiền mặt				
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.650.655		150.296.330	
Tiền đang chuyển	8.961.581.435		1.361.858.068	
Các khoản tương đương tiền	-		-	
Cộng	9.080.232.090		1.512.154.398	

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	16.388.132.848	-	13.892.252.150	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	15.386.224.346	-	9.135.908.603	-
<i>Công ty Điện lực Phú Thọ</i>	8.428.976.456		-	
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Nam Phú</i>	2.027.988.409		-	
<i>Công ty Điện lực Nam Định</i>	1.900.466.354		6.758.778.018	
<i>Công ty Điện lực Thái Bình</i>	3.028.793.127		2.377.130.585	
Phải thu khách hàng khác	1.001.908.502	-	4.756.343.547	-
Cộng	16.388.132.848	-	13.892.252.150	-

b) Phải thu khách hàng dài hạn (chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)

c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Khánh Phong	147.023.362	-
- Các Công ty khác	77.589.000	1.087.503.467
Cộng	224.612.362	1.087.503.467

4. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.328.239	-	8.963.754	-
<i>Bảo hiểm xã hội nộp thừa</i>	9.328.239		8.963.754	
b) Dài hạn				
Cộng	9.328.239	-	8.963.754	-

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	14.357.172.257		16.861.442.220	-
Chi phí SXKD dở dang	1.670.797.985		11.739.529.158	-
Cộng	16.027.970.242	-	28.600.971.378	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09- DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh				
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty con	10.806.641.524	10.806.641.524	9.836.641.524	9.836.641.524
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	10.806.641.524	10.806.641.524	9.836.641.524	9.836.641.524
Cộng	10.806.641.524	10.806.641.524	9.836.641.524	9.836.641.524



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

7. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		1.874.749.995	42.200.005	58.076.264		1.975.026.264
Tăng trong năm				36.000.000		36.000.000
- <i>Mua trong năm</i>				36.000.000		36.000.000
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm		1.874.749.995	42.200.005	94.076.264		2.011.026.264
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		1.191.965.095	42.200.005	58.076.264		1.292.241.364
Tăng trong năm		200.312.262		9.000.000		209.312.262
- <i>Số khấu hao trong năm</i>		200.312.262		9.000.000		209.312.262
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm		1.392.277.357	42.200.005	67.076.264		1.501.553.626
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		682.784.900				682.784.900
2. Tại ngày cuối năm		482.472.638		27.000.000		509.472.638



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Bản quyền bằng sáng chế	Quyền phát hành	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			112.752.000	-		112.752.000
Tăng trong năm	-	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	112.752.000	-		112.752.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			34.847.707			34.847.707
Tăng trong năm	-	-	8.826.456	-		8.826.456
- Số khấu hao trong năm			8.826.456			8.826.456
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	43.674.163	-		43.674.163
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	77.904.293	-		77.904.293
2. Tại ngày cuối năm	-	-	69.077.837	-		69.077.837

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	1.062.094.363
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.062.094.363
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	1.062.094.363

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

D. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị : VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	4.850.000.000	4.850.000.000	14.071.550.000	16.521.550.000	7.300.000.000	300.000.000	
Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	5.521.550.000	5.821.550.000	300.000.000	300.000.000	
Vay cá nhân (*)	4.850.000.000	4.850.000.000	8.550.000.000	10.700.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
Cộng	4.850.000.000	4.850.000.000	14.071.550.000	16.521.550.000	7.300.000.000	7.300.000.000	

(*) Vay cá nhân theo hợp đồng:

Vay ngắn hạn Bà Phạm Thị Oanh theo Hợp đồng vay số 01/2015 ngày 05/01/2015 số tiền là 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%
 Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Hải Hùng theo Hợp đồng số 03/2015 ngày 06/01/2015 số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Tuấn theo Hợp đồng số 04/2015 ngày 06/01/2015 số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Trần Thị Hiền theo Hợp đồng số 05/2015 ngày 07/01/2015 số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Đào theo Hợp đồng số 06/2015 ngày 07/01/2015 số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thanh Hà theo Hợp đồng số 07/2015 ngày 28/01/2015 số tiền 850.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Nhung theo Hợp đồng số 12/2015 ngày 07/05/2015 số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Thị Ngân theo hợp đồng số 14/2015 ngày 30/06/2015 số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Bà Ngô Thị Tân theo Hợp đồng số 16/2015 ngày 12/10/2015 số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.
 Vay ngắn hạn Ông Hoàng Hữu Tài theo Hợp đồng số 17/2015 ngày 23/11/2015 số tiền 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	16.659.255.779	16.659.255.779	18.767.496.828	18.767.496.828
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	12.526.965.221	12.526.965.221	9.973.426.315	8.788.963.700
<i>Công ty Bê tông đúc sẵn Hà Nam</i>	<i>1.789.676.865</i>	<i>1.789.676.865</i>	<i>1.184.462.615</i>	
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Nam Phú</i>	<i>4.239.366.584</i>	<i>4.239.366.584</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà</i>	<i>6.497.921.772</i>	<i>6.497.921.772</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tổng hợp Hoàng Long</i>	-	-	3.452.423.700	3.452.423.700
<i>Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thương mại Phúc Thịnh</i>	-	-	2.208.800.000	2.208.800.000
<i>Công ty Cổ phần Chế tạo Máy biến áp MIBA</i>	-	-	3.127.740.000	3.127.740.000
Các khoản phải trả người bán khác	4.132.290.558	4.132.290.558	8.794.070.513	8.794.070.513
Cộng	16.659.255.779	16.659.255.779	18.767.496.828	17.583.034.213
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ban quản lý dự án thành phố Nam Định

- Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	202.968.000
	-	725.328.000
Cộng	-	928.296.000

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)

- Thuế GTGT

- Thuế TNDN

- Thuế nhà đất, tiền thuê đất

- Các loại thuế khác

Cộng

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
	-	6.620.725.727	6.462.531.980	158.193.747
	130.517.151	298.549.441	357.409.413	71.657.179
	-	66.448.000	66.448.000	-
	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	130.517.151	6.988.723.168	6.889.389.393	229.850.926

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm y tế

- Phải trả, phải nộp khác

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	-	-
	-	-
	-	-
	-	212.986.198
Cộng	-	212.986.198



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Mẫu số B09-DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	28.750.000.000	-	-	100.000.000	-	738.887.673	29.588.887.673
Tăng vốn năm trước	800.000.000						800.000.000
Lãi trong năm trước						485.894.446	485.894.446
Tăng khác							-
Giảm trong năm trước				100.000.000		1.149.840.064	1.249.840.064
Trích lập các quỹ						1.149.840.064	1.149.840.064
Giảm khác				100.000.000			100.000.000
Số dư cuối năm trước	29.550.000.000	-	-	-	-	74.942.055	29.624.942.055
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay						537.670.235	537.670.235
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác						150.120.310	150.120.310
Số dư cuối năm nay	29.550.000.000	-	-	-	-	462.491.980	30.012.491.980

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Công ty mẹ		-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	29.550.000.000	29.550.000.000
Cộng		29.550.000.000	29.550.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	29.550.000.000	28.750.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	800.000.000
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	29.550.000.000	29.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

d) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	4.135.028.290	4.032.567.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	62.072.228.928	55.518.630.072
Cộng	66.207.257.218	59.551.197.072

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm nay	Năm trước
3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn bán thành phẩm	3.775.355.645	3.234.671.584
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	56.519.264.098	49.514.170.962
Cộng	60.294.619.743	52.748.842.546
4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	11.908.617	11.516.319
Cộng	11.908.617	11.516.319
5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	53.784.763	196.328.442
Cộng	53.784.763	196.328.442
6 . THU NHẬP KHÁC		
- Các khoản khác	31.500.000	538
Cộng	31.500.000	538
7 . CHI PHÍ KHÁC		
- Các khoản chi phí khác	-	6
Cộng	-	6
8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	5.212.940.515	5.994.601.338
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	4.229.047.280	3.278.813.389
- <i>Chi phí nhân công quản lý</i>	3.685.315.000	2.860.356.300
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	543.732.280	418.457.089
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	983.893.235	2.715.787.949
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm:	-	-
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	-	-
- Các chi phí bán hàng khác	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
Cộng	5.212.940.515	5.994.601.338
9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	689.320.814	622.941.597
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Tổng thu nhập chịu thuế	689.320.814	622.941.597
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	151.650.579	137.047.151
10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.890.777.575	40.929.677.192
Chi phí nhân công	12.493.579.900	4.776.840.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.138.718	623.566.993
Chi phí mua ngoài	2.580.873.080	16.052.735.023
Chi phí bằng tiền khác	894.259.817	3.233.083.349
Cộng	41.077.629.090	65.615.902.557

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

IX. Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Đơn vị tính : VND

Năm nay

CHỈ TIÊU	Bán vật tư	Hợp đồng xây lắp điện	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.135.028.290	62.072.228.928	-	66.207.257.218
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.135.028.290	62.072.228.928	-	66.207.257.218
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	359.672.645	5.552.964.830	-	5.912.637.475
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				5.212.940.515
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				699.696.960
Doanh thu hoạt động tài chính				11.908.617
Chi phí tài chính				53.784.763
Thu nhập khác				31.500.000
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				151.650.579
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				537.670.235
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				36.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.980.064.415
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

Năm trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Bán vật tư	Hợp đồng xây lắp điện	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.032.567.000	55.518.630.072	-	59.551.197.072
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.032.567.000	55.518.630.072	-	59.551.197.072
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	797.895.416	6.004.459.110	-	6.802.354.526
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				5.994.601.338
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				807.753.188
Doanh thu hoạt động tài chính				11.516.319
Chi phí tài chính				196.328.442
Thu nhập khác				538
Chi phí khác				6
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				137.047.151
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				485.894.446
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				623.566.993
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Thành phẩm	Hợp đồng xây dựng	Dịch vụ	TỔNG CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.038.602.526	30.602.112.926	-	32.640.715.452
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				20.474.752.333
Tổng tài sản				53.115.467.785
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.125.649.388	16.897.482.091	-	18.023.131.479
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.079.844.326
Tổng nợ phải trả				23.102.975.805
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.951.111.147	40.629.615.848	-	43.580.726.995
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				13.180.543.237
Tổng tài sản				56.761.270.232
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.319.975.517	18.172.849.311		19.492.824.828
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.643.503.349
Tổng nợ phải trả				27.136.328.177

Đơn vị tính: VND

14 II
NG
TÊN
NA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô 55 đường N2 cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay

Chỉ tiêu	Thái Bình	Nam Định	Hà Nam	Phủ Thọ	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	36.020.518.615	14.277.950.333	3.660.627.855	12.248.160.415	66.207.257.218
Tài sản bộ phận	314.764.408	124.767.515	31.988.306	107.030.246	578.550.475
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-				

Năm trước

Chỉ tiêu	Thái Bình	Nam Định	Hà Nam	Phủ Thọ	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	18.457.074.910	25.369.269.753	15.724.852.409	-	59.551.197.072
Tài sản bộ phận	235.765.159	324.059.470	200.864.565	-	760.689.194
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					

11:30:00 AM 11/11/2015

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	8.961.581.435	1.361.858.068
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	10.806.641.529	9.836.641.529
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.397.461.087	13.901.215.904
Cộng	36.165.684.051	25.099.715.501

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	4.850.000.000	-		4.850.000.000
Phải trả người bán	18.023.131.479			18.023.131.479
Số đầu năm				
Các khoản vay	7.300.000.000	-		7.300.000.000
Phải trả người bán	18.767.496.828			18.767.496.828
Phải trả khác	212.986.198	-		212.986.198

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

4.5 Giá trị hợp lý

Đơn vị tính: VND

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.080.232.090	9.080.232.090	1.512.154.398	1.512.154.398
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.397.461.087	(*)	13.901.215.904	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	10.806.641.529	(*)	9.836.641.529	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(4.850.000.000)	(4.850.000.000)	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(18.023.131.479)	(18.023.131.479)	(18.980.483.026)	(18.980.483.026)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.411.203.227	(*)	(1.030.471.195)	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Trong năm 2015 Công ty có các giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Bán vật tư điện	935.308.888
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Mua phụ cột, vật tư	757.637.100

b) Tại ngày 31/12/2015 số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư tại 31/12/2015 (VND)
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Phải thu khách hàng	177.452.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Phải trả người bán	1.363.875.700

c) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc	103.440.000
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc	89.040.000
Bà Trần Thị Hồng Mến	Kế toán trưởng	78.900.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT và được phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Hoàng Thị Hồng

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến



Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Giám đốc

Hoàng Hữu Tuấn

